

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 4 năm 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà

Ông Lê Hữu Vị

Thư ký phiên toà: Ông Nghiêm Xuân Huy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1985; Địa chỉ HKTT: Thôn H, xã Nh (nay là thị trấn T), huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Lê Quý H1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn H, xã Nh (nay là thị trấn T), huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2024, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Quý H1 ngày 30/11/2011 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và không bị ai lừa dối, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn chị về ở chung cùng gia đình anh H1 ngay. Quá trình chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H1 không quan tâm đến vợ con nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Mặc dù vợ chồng sống chung nhà nhưng ly thân từ năm 2022, hai bên không quan tâm chăm sóc đến nhau, kinh tế độc lập. Gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H1 không thay đổi, vợ chồng không có biện pháp cải thiện mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng nên tháng 5 năm 2024 chị về nhà mẹ đẻ ở tại xã Đ. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài trong nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Ngọc Th, sinh ngày 01/5/2013, Lê Anh D, sinh ngày 20/6/2016. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh H1. Ly hôn chị đề nghị anh H1 được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Lê Quý H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 xác nhận về điều kiện kết hôn, thời điểm kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị H trình bày là đúng. Nay chị H xin ly hôn, mặc dù anh H1 xác định vợ chồng không hợp nhau, không có sự chia sẻ và hiện vợ chồng không ở cùng nhau nhưng anh không mong muốn vợ chồng ly hôn để các con có đầy đủ cả bố mẹ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Ngọc Th, sinh ngày 01/5/2013, Lê Anh D, sinh ngày 20/6/2016. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh H1. Nếu ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Anh không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Quý H. Về nuôi con: giao anh H1 được nuôi dưỡng cả hai con là cháu Th và cháu D, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Quý H1 vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và anh H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Quý H1 có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 11 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện S trên cơ sở tự nguyện kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H và anh H1 đều có quan điểm trình bày quá trình vợ chồng chung sống có bất đồng quan điểm về lời nói, tình cảm vợ chồng không có sự chia sẻ, hạnh phúc và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên đề nghị được ly hôn anh H1, anh H1 có quan điểm không đồng ý ly hôn để các con có đầy đủ bố mẹ. Như vậy có thể thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn anh H1 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Quý H1.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Lê Ngọc Th, sinh ngày 01/5/2013, Lê Anh D, sinh ngày 20/6/2016. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh H1. Ly hôn chị H và anh H1 đều có quan điểm để anh H1 được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con là cháu Th, cháu D và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay cả hai con đang ở cùng anh H1, trong quá trình giải quyết vụ án cháu Th, cháu D đều trình bày hiện nay đang ở cùng anh H1 và có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn các cháu xin được ở với bố. Do vậy để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt và ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của con, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị H và anh H1 để anh H1 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, cháu D và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con

chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị H và anh H1 không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Quý H1.

2. Về nuôi con: Anh Lê Quý H1 được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con là Lê Ngọc Th, sinh ngày 01/5/2013 và Lê Anh D, sinh ngày 20/6/2016 (hiện nay cả hai con đang ở cùng anh H1). Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0001077 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên**

Khương Đặng Khánh Hằng

